TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2020/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 12 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L** - Sinh năm 1989.

Bị đơn: Anh **Đinh Văn T** - Sinh năm 1986.

Cùng cư trú tại: Xóm B, xã D, huyện C, Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 2 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 2 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị L và anh Đinh Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Đinh Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Đinh Gia B sinh ngày 18/8/2010 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Gia B đủ 18 tuổi. Anh Đinh Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 500.000đ/tháng (*Năm trăm nghìn đồng một tháng*) cho đến khi cháu Gia B đủ 18 tuổi. Bắt đầu từ tháng 3 năm 2020.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chưa thi hành số tiền nêu trên cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3.Về tài sản chung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận về việc chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận, cụ thể như sau:

Chị Bùi Thị L được toàn quyền sử dụng, định đoạt khối tài sản chung là tường bao, hệ thống công trình phụ và toàn bộ đồ dùng trong nhà như bình nóng lạnh, tủ lạnh....Trị giá tài sản chung khoảng 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng).*

Chị Bùi Thị L phải trả cho anh Đinh Văn T số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng)*, mỗi tháng trả 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 25/3/2020 (*dương lịch*).

2.4. Về công nợ: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

2.5.Về án phí: Chị Bùi Thị L tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng hai khoản mà chị L phải nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000968 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình.
- Chi cục THA H. C;
- VKSND H. C;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. M

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà